TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/HNGĐ-ST Ngày: 12- 01- 2022 V/v: Ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Trần Văn Tuân.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trịnh Thị Mừng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; nơi ở: Xóm D, xã B, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Doãn Văn H, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân; Chị và anh Doãn Văn H trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu và đã được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02- 5- 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H có tính gia trưởng thường xuyên đánh đập chị.

Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho tới nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Doãn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Doãn Minh Đ, sinh ngày 04- 06- 2010 và Doãn Minh H sinh ngày 17- 07- 2013. Khi ly hôn, chị nhất trí để anh Doãn Văn H trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Doãn Văn H trình bày: Anh thừa nhận về việc kết hôn, con chung và tài sản như chị L trình bày. Do tính cách không thể hòa hợp với nhau nên đời sống của anh chị lâm vào mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh, anh nhất trí với ý kiến của chị L. Về con chung: Khi ly hôn, anh nhận nuôi cả 2 cháu là Doãn Minh Đ và Doãn Minh H. Hiện hai cháu đang sống cùng anh và được anh chăm sóc đầy đủ.

Trong bản tự khai của cháu Doãn Minh Đ, cháu trình bày nguyện vọng: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố do bố yêu thương cháu nhiều hơn, có điều kiện chăm sóc quan tâm và dạy dỗ cháu. Còn mẹ cháu thì hay đi làm ăn xa, ít khi quan tâm nên cháu không muốn ở cùng mẹ.

Trong bản tự khai của cháu Doãn Minh H, cháu trình bày nguyện vọng: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố do bố yêu thương cháu nhiều hơn, có điều kiện chăm sóc quan tâm và dạy dỗ cháu. Còn mẹ cháu thì hay đi làm ăn xa, ít khi quan tâm nên cháu không muốn ở cùng mẹ.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã B, huyện C: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng như các đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Doãn Văn H. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung Doãn Minh Đ và Doãn Minh H cho anh Doãn Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, anh Doãn Văn H đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ cơ sở xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Doãn Văn H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh H không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong thời gian dài, các bên không có thiện chí hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Doãn Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, anh Doãn Văn H nhất trí nên căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị L và anh Doãn Văn H có 02 con chung là Doãn Minh Đ, sinh ngày 04- 06- 2010 và Doãn Minh H, sinh ngày 17- 07- 2013, hiện đang ở với anh H. Xét điều kiện nuôi con chung, sự thống nhất của các đương sự, ý kiến của con chung, đủ cơ sở giao cả 02 con chung cho anh Doãn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L nộp án phí ly hôn theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Doãn Văn H.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao 02 con chung Doãn Minh Đ, sinh ngày 04- 06- 2010 và Doãn Minh H, sinh ngày 17- 07- 2013 cho anh Doãn Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000031 ngày 30 - 11 - 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên